

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ GẠO
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2022/DS-ST
Ngày: 11-01-2022.
V/v tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Phương Dung.

- *Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Nguyễn Thị Kiều Phương.

Bà Nguyễn Thị Thùy Trang.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Lê Nguyễn Ái Quyên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Phương Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 01 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 57/2021/TLST-DS ngày 17 tháng 03 năm 2021 về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 124/2021/QĐXX-ST ngày 29 tháng 11 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Nhật A, sinh năm 1984 (xin vắng mặt);

Địa chỉ: ấp ĐP, xã TB, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang;

Bị đơn:

- Chị Đặng Thị M, sinh năm 1964 (vắng mặt);

- Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1964 (xin vắng mặt);

Cùng địa chỉ: ấp Mỹ An B, xã Mỹ Tịnh An, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện đề ngày 05/3/2021, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Nhật A trình bày:

Chị và vợ chồng Đặng Thị M và Nguyễn Văn H là chỗ quen biết nên chị có nhiều lần cho vợ chồng Đặng Thị M và Nguyễn Văn H mượn tiền với lãi suất 5%/tháng cụ thể như sau:

- Ngày 14/5/2019, chị có cho vợ chồng chị M và anh H mượn số tiền 40.000.000 đồng. Khi mượn chị M có tự tay viết và ký tên vào giấy mượn tiền.

- Ngày 22/6/2019, vợ chồng chị M và anh H tiếp tục mượn chị số tiền 20.000.000 đồng, khi mượn chị M có tự tay viết và ký tên vào giấy mượn tiền.

- Ngày 17/8/2019, chị có cho chị M và anh H mượn số tiền 20.000.000 đồng, khi mượn chị M có tự tay viết và ký tên vào giấy mượn tiền.

- Ngày 20/8/2019, chị có cho chị M và anh H mượn số tiền 20.000.000 đồng, khi mượn chị M có tự tay viết và ký tên vào giấy mượn tiền.

Tổng cộng số tiền mà chị nhiều lần cho vợ chồng chị M và anh H mượn là 100.000.000 đồng. Đến nay chị cần lấy lại số tiền 100.000.000 đồng và đã nhiều lần đến yêu cầu chị M, anh H trả nợ cho chị nhưng đến nay chị M và anh H không thực hiện việc trả nợ.

Nay chị A yêu cầu chị M và anh H trả cho chị số tiền nợ là 100.000.000 đồng, yêu cầu thực hiện một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Ngày 25/11/2021, chị Nguyễn Thị Nhật A có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc buộc anh Nguyễn Văn H có nghĩa vụ liên đới cùng chị Đặng Thị M trả số tiền nợ 100.000.000 đồng.

* Trong suốt quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn chị Đặng Thị M biết để tham gia phiên tòa theo quy định nhưng chị M vẫn không có mặt để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, cũng không cung cấp chứng cứ hoặc có ý kiến bằng văn bản.

* Bị đơn anh Nguyễn Văn H trình bày: Anh là chồng chị Đặng Thị M, sống chung từ năm 1982. Chị M đã bỏ nhà đi từ tháng 01/2021 đến nay. Trước đó anh và chị M vẫn sống chung nhà. Việc chị M vay tiền của chị A, anh không biết. Số tiền chị M vay của chị A, chị M không có sử dụng vào mục đích chung của gia đình. Việc chị A khai chị M vay số tiền 100.000.000 đồng để xây nhà là không đúng. Vào khoảng tháng 06/2019, nhà anh có sửa chữa thêm như ốp gạch, lát gạch, trang trí thêm trong nhà nhưng chi phí bỏ ra để sửa chữa không phải là tiền của chị M vay của chị A mà là do các con anh hùn nhau cho, việc mua vật tư cũng do các con anh đi mua, chị M không có đi mua. Lúc sửa chữa nhà có mua vật tư xây dựng tại cửa hàng của anh Nguyễn Quốc Lợi nhưng người đi mua là các con anh đi mua chứ chị M không có đi mua. Thời điểm trước năm 2020, anh có vườn thanh long ở nhà nên anh ở nhà để chăm sóc thanh long; còn chị M thì làm nội trợ ở nhà không có làm thêm gì ở ngoài. Do đó việc chị A khởi kiện anh yêu cầu anh liên đới cùng chị M trả số tiền 100.000.000 đồng, anh không đồng ý.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án như sau:

Việc chấp hành pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về nội dung: Chị M đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt và không đưa ra chứng cứ chứng minh. Chị A cung cấp các biên nhận mượn tiền do chị M ký tên, do đó việc chị A khởi kiện chị M yêu cầu chị M trả số tiền 100.000.000 đồng là có cơ sở để chấp nhận. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị A về việc yêu cầu chị M trả số tiền 100.000.000 đồng. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu anh Nguyễn Văn H có trách nhiệm liên đới cùng chị Đặng Thị M trả cho chị A số tiền 100.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về pháp luật tố tụng:

[1.1] Về sự vắng mặt của các đương sự:

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Nhật A và bị đơn anh Nguyễn Văn H có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn chị Đặng Thị M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ các điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị A, chị M và anh H.

[1.2] Về thẩm quyền và quan hệ tranh chấp: Hội đồng xét thấy theo đơn khởi kiện của chị A thì chị A yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo giải quyết buộc chị Đặng Thị M và anh Nguyễn Văn H phải trả cho chị số tiền vốn vay chưa trả là 100.000.000 đồng. Chị Đặng Thị M và anh Nguyễn Văn H hiện cư trú tại ấp Mỹ An B, xã Mỹ Tịnh An, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang. Do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo theo qui định tại Điều 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự và quan hệ pháp luật tranh chấp là "Hợp đồng vay tài sản" qui định tại Khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 463 của Bộ luật dân sự.

[1.3] Về thời hạn, thời hiệu: Các đương sự không yêu cầu xem xét về thời hạn, thời hiệu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[2]. Về pháp luật nội dung:

[2.1] Về số tiền nợ:

[2.1.1] Theo nguyên đơn trình bày: Do là chỗ quen biết nên chị A có cho chị M vay 04 lần tiền với tổng số tiền là 100.000.000 đồng, vay có làm biên nhận, chị M tự mình ký tên và viết họ tên trong biên nhận; thỏa thuận trả lãi mỗi tháng với lãi suất 5%/tháng. Chị A xác định sau khi vay chị M không có trả tiền theo thỏa thuận nên phát sinh tranh chấp.

[2.1.2] Căn cứ vào các biên nhận ngày 14/5/2019, ngày 22/6/2019, ngày 17/8/2019 và ngày 20/8/2019 do nguyên đơn cung cấp có chữ ký và chữ viết họ tên của chị Đặng Thị M thể hiện chị M có vay của chị A số tiền là 100.000.000 đồng. Chị A đã nhiều lần đến yêu cầu thanh toán nợ nhưng chị M không thực hiện. Do đó, việc chị M vay tiền của chị A nhưng không trả là vi phạm nghĩa vụ trả nợ được quy

định tại Điều 466 Bộ luật dân sự nên yêu cầu khởi kiện của chị A về việc buộc chị M trả số tiền nợ vay 100.000.000 đồng là có cơ sở để chấp nhận.

[2.1.3] Chị M vắng mặt và không đưa ra chứng cứ chứng minh nên phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2.2] Về yêu cầu tính lãi: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa các đương sự không yêu cầu tính lãi đối với số tiền nợ trên nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Chị Nguyễn Thị Nhật A có đơn xin rút yêu cầu khởi kiện về việc buộc anh Nguyễn Văn H có trách nhiệm liên đới cùng chị Đặng Thị M trả số tiền 100.000.000 đồng nên Hội đồng xét xử quyết định đình chỉ giải quyết yêu cầu về việc buộc anh Nguyễn Văn H có trách nhiệm liên đới cùng chị Đặng Thị M trả số tiền 100.000.000 đồng.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Nguyễn Thị Nhật A không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Chị Đặng Thị M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Nguyễn Văn H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[5] Xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 229; Điều 238; Điều 264; Điều 267; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 357, 463, 466 và 468 của Bộ luật dân sự.

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Nhật A.

Buộc chị Đặng Thị M có nghĩa vụ trả cho chị Nguyễn Thị Nhật A số tiền vốn là 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án chậm thực hiện theo nội dung quyết định này thì hàng tháng phải trả tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Nhật A về việc buộc anh Nguyễn Văn H có trách nhiệm liên đới cùng chị Đặng Thị M trả số tiền 100.000.000 đồng.

H quả pháp lý: Chị Nguyễn Thị Nhật A được quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 218 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Hoàn lại cho chị Nguyễn Thị Nhật A số tiền 2.500.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng số 0004736 ngày 10/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

Chị Đặng Thị M phải chịu 5.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Nguyễn Văn H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

4. Chị Nguyễn Thị Nhật A, chị Đặng Thị M, anh Nguyễn Văn H được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Chợ Gạo;
- CCTHADS huyện Chợ Gạo;
- Các đương sự;
- Lưu;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Phương Dung